

VỢ CHỒNG A PHỦ

(Trích)

TÔ HOÀI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được giá trị nhân đạo của truyện thể hiện qua sự lên án tội ác của bọn thống trị và khẳng định sức sống ngoan cường, khát vọng tự do tiềm tàng ở người dân lao động vùng cao Tây Bắc.*
- *Nắm được nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật, nghệ thuật tạo tình huống truyện, miêu tả sinh hoạt, phong tục và tâm lí nhân vật trong đoạn trích.*

TIỂU DẪN

Tô Hoài tên khai sinh là Nguyễn Sen, quê gốc ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội). Ông sinh năm 1920 ở quê ngoại – làng Nghĩa Đô, thuộc phủ Hoài Đức (nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội). Tô Hoài chỉ được học hết bậc Tiểu học, rồi phải làm nhiều nghề để kiếm sống trước khi cầm bút. Từ trước Cách mạng tháng Tám 1945, Tô Hoài đã viết nhiều, với hai mảng sáng tác chính : chuyện về loài vật và chuyện về những người dân nghèo, thợ thủ công ở vùng quê ven thành. Năm 1943, Tô Hoài gia

nhập tổ chức Văn hoá cứu quốc do Đảng Cộng sản thành lập. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Tô Hoài làm báo ở Việt Bắc rồi chuyển sang công tác ở Hội Văn nghệ Việt Nam. Sau Cách mạng tháng Tám, ông làm phóng viên báo *Cứu quốc*. Năm 1957, khi Hội Nhà văn Việt Nam được thành lập, ông làm Tổng thư kí, rồi Phó Tổng thư kí trong nhiều năm. Tô Hoài còn là Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội (1966 - 1996). Tô Hoài là nhà văn có sức sáng tạo dồi dào. Đến nay, qua hơn sáu mươi năm cầm bút,



ông đã cho ra đời trên 160 đầu sách. Tác phẩm của Tô Hoài đa dạng về thể loại : tiểu thuyết, truyện ngắn, bút kí, hồi kí, tự truyện, kinh nghiệm sáng tác, truyện và kịch cho thiếu nhi, kịch bản phim,... Tô Hoài được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 1996.

Tác phẩm chính : *Đế Mèn phiêu lưu kí* (đồng thoại, 1941), *O chuột* (tập truyện về loài vật, 1942), *Quê người* (tiểu thuyết, 1942), *Nhà nghèo* (tập truyện ngắn, 1944), *Truyện Tây Bắc* (tập truyện, 1953), *Mười năm* (tiểu thuyết, 1957), *Miền Tây* (tiểu thuyết, 1967), *Người ven thành* (tập truyện ngắn, 1972), *Tự truyện* (1978), *Quê nhà* (tiểu thuyết, 1980), *Cát bụi chân ai* (hồi kí, 1992), *Chiều chiều* (tự truyện, 1999), *Ba người khác* (tiểu thuyết, 2006),...

Tô Hoài là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Sáng tác của Tô Hoài thể hiện vốn hiểu biết phong phú về nhiều lĩnh vực đời sống, đặc biệt là phong tục và sinh hoạt đời thường. Nghệ thuật văn xuôi của Tô Hoài có nhiều đặc sắc, nổi bật ở lối kể chuyện tự nhiên, sinh động, cách miêu tả giàu chất tạo hình, ngôn ngữ phong phú và đậm tính khẩu ngữ.

Năm 1952, Tô Hoài đi với bộ đội vào giải phóng Tây Bắc. Trong chuyến đi dài tám tháng, nhà văn đã sống với đồng bào các dân tộc thiểu số từ khu căn cứ du kích trên núi cao đến các bản làng mới giải phóng. Chuyến đi đã giúp cho Tô Hoài hiểu biết sâu hơn về cuộc sống và con người miền núi, đã để lại cho nhà văn những kỉ niệm sâu sắc, tình cảm thấm thiết với người và cảnh Tây Bắc.

Truyện Tây Bắc – kết quả chuyến đi ấy – là một trong những tác phẩm văn xuôi tiêu biểu của văn học thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Tác phẩm đã được trao Giải Nhất Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955.

Vợ chồng A Phủ là truyện ngắn đặc sắc hơn cả trong ba tác phẩm của tập *Truyện Tây Bắc*. Truyện có hai phần, viết về hai giai đoạn của cuộc đời Mị và A Phủ : giai đoạn ở Hồng Ngài, trong nhà thống lí Pá Tra ; giai đoạn ở Phiêng Sa – hai vợ chồng gặp gỡ cách mạng rồi A Phủ trở thành du kích. Dưới đây chỉ trích phần đầu là phần thành công hơn của tác phẩm.

*
* * *

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lí ⁽¹⁾ Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi công nước dưới khe suối lên,

(1) *Thống lí* : một chức trong hệ thống cai trị phong kiến ở vùng người Mèo (nay gọi là người Mông) ; thống lí cai quản một địa phương dưới cấp châu (huyện), tương tự như *phìa* ở vùng người Thái, *chánh tổng* ở miền xuôi.

cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta thường nói : nhà Pá Tra làm thống lí, ăn của dân nhiều, đôn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái nhà Pá Tra : cô ấy là vợ A Sừ, con trai thống lí Pá Tra.

Cô Mị về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, cô không nhớ, cũng không ai nhớ. Nhưng người nghèo ở Hồng Ngài thì vẫn còn kể lại câu chuyện Mị về làm người nhà quan thống lí. Ngày xưa, bố Mị lấy mẹ Mị không có đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lí, bố của thống lí Pá Tra bây giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già rồi mà cũng chưa trả được nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

Cho tới năm ấy Mị đã lớn, Mị là con gái đầu lòng. Thống lí Pá Tra đến bảo bố Mị :

- Cho tao đưa con gái này về làm dâu thì tao xoá hết nợ cho.

Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, thì tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con quá. Ông chưa biết nói thế nào thì Mị bảo bố rằng :

- Con nay đã biết cuộc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.

Đến Tết năm ấy, Tết thì vui chơi, trai gái đánh pao⁽¹⁾, đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái thì bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thối sáo xung quanh vách. Trai đến đứng nhấn cả chân vách đầu buồng Mị. Một đêm khuya, Mị nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hồ hẹn của người yêu. Mị hồi hộp lặng lẽ quơ tay lên thì gặp hai ngón tay lách vào khe gỗ, sờ một ngón thấy có đeo nhẫn. Người yêu của Mị thường đeo nhẫn ngón tay ấy. Mị bèn nhấc tấm vách gỗ. Một bàn tay dắt Mị bước ra. Mị vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng Mị rồi bịt mắt, cõng Mị đi.

Sáng hôm sau, Mị mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lí Pá Tra. Họ nhốt Mị vào buồng. Ngoài vách kia, tiếng nhạc sinh tiền⁽²⁾ cũng ma đương rập rờn nhảy múa.

(1) *Đánh pao* : trò chơi của người Mông (giống trò chơi *ném còn* của người Thái, người Tây) ; khi chơi nam nữ thanh niên đứng hai bên bãi rộng, ném và bắt quả pao bằng vải.

(2) *Sinh tiền* (cũng gọi *sênh tiền*) : một nhạc khí bằng hai thòai gỗ cũng dùng để gõ, đính thêm cộc tiền đồng, thường dùng đệm nhịp trong dàn nhạc bát âm.

Trong khi đó, A Sừ đến nhà bố Mị. A Sừ nói :

- Tôi đã cướp⁽¹⁾ được con gái bố làm vợ, tôi đem về cúng trình ma nhà tôi rồi, bây giờ tôi đến trình cho bố biết. Tiền bạc để cưới thì bố tôi bảo đã đưa cả cho bố rồi.

Rồi A Sừ về. Ông lão nhớ ngay câu nói của thống lí Pá Tra dạo trước : cho con gái về nhà thống lí Pá Tra thì được trừ nợ. Chao ôi ! Thế là cha mẹ ăn bạc của nhà giàu từ kiếp trước, bây giờ người ta bắt bán con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi !

Có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc. Một hôm, Mị trốn về nhà, hai trông mắt còn đỏ hoe. Trông thấy bố, Mị quỳ lạy, úp mặt xuống đất, nước nờ. Bố Mị cũng khóc, đoán biết lòng con gái :

- Mày về lạy chào tao để mày đi chết đấy à ? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ. Mày chết rồi thì không lấy ai làm nương ngô giả được nợ người ta, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi !

Mị chỉ bung mặt khóc. Mị ném nắm lá ngón xuống đất, nắm lá ngón Mị đã tìm hái trong rừng, Mị vẫn giấu trong áo. Thế là Mị không đành lòng chết. Mị chết thì bố Mị còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ nữa. Mị đành trở lại nhà thống lí.

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. Nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi. Mị cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt, mỗi năm mỗi mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại : Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp, và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước thành sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế. Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc làm cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày Mị càng không nói, lù lù như con rùa nuôi trong xó cửa. Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào

(1) Tục "cướp vợ" của người Mông : trai gái yêu nhau, chàng trai thoả thuận với người yêu tổ chức cuộc "cướp" mang người con gái về nhà mình, sau đó đến trình nhà vợ. "Cướp" vợ như vậy sẽ lấy được vợ mà ít tốn kém lễ vật. Ở đây A Sừ lợi dụng tục này để cướp Mị về làm vợ trừ nợ.

trông ra cũng chỉ thấy trắng trắng, không biết là sương hay là nắng. Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi.



Nhà ở và ruộng lúa của đồng bào Mông ở xã Lao Chải – Sa Pa (Lào Cai)

(Ảnh : Thông tấn xã Việt Nam – Vũ Hạnh)

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngài người ta thành lệ cứ ăn Tết khi gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào. Ăn Tết như thế cho kịp lúc mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới. Hồng Ngài năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo Đỏ⁽¹⁾, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mòm đá xoè như con bướm sặc sỡ. [...] Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà. Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. Mị nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi. Mị ngồi nhắm thắm bài hát của người đang thổi.

*Mày có con trai con gái rồi
Mày đi làm nương
Ta không có con trai con gái
Ta đi tìm người yêu.*

(1) *Mèo Đỏ* : một nhóm của dân tộc Mông, phân biệt về sắc phục với các nhóm Mèo Trắng, Mèo Hoa, Mèo Đen, Mèo Xanh,... Trang phục phụ nữ Mèo Đỏ sử dụng nhiều chi tiết màu đỏ.

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một mòm đất phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tết. Trai gái, trẻ con ra sân chơi ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi kèn và nhảy.

Cả nhà thống lí Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêng đánh âm ĩ, người ộp đồng⁽¹⁾ vẫn còn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm lại tiếp ngay bữa rượu bên bếp lửa.

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà Mị từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phờ phợt trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau ! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...

Lúc ấy, A Sử vừa ở đầu về, lại đang sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn muốn rình bắt mấy người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ Mị nói gì.

(1) *Ớp đồng* (như *lên đồng, nhập đồng*) : trạng thái đặc biệt của người ngồi đồng, khi vong linh của người đã chết hay thần thánh nhập vào thân xác họ để phán báo, chỉ vẽ hoặc thực hiện hành động nào đó (theo quan niệm mê tín trong một tập tục dân gian).

Bây giờ Mị cũng không nói. Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng. Trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo. Mị muốn đi chơi, Mị cũng sắp đi chơi. Mị quấn lại tóc, Mị với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử đang sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy Mị rút thêm cái áo. A Sử hỏi :

– Mày muốn đi chơi à ?

Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xoã xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. "*Em không yêu, quả pao rơi rồi - Em yêu người nào, em bắt pao nào...*". Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chùng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.

Cả đêm ấy Mị phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ. Hơi rượu toả. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. Mị lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng rồi không biết sáng từ bao giờ.

Mị bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm sâm⁽¹⁾ trong cái nhà gỗ rỗng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đấy, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay là họ cũng đang phải trói như Mị. Mị không thể biết. Đời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngài thì một đời con người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. Mị chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể : đời trước, ở nhà thống lí Pá Tra có một người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến thì vợ

(1) Âm sâm (từ ít dùng) : âm u, vắng lặng.

chết rồi. Nhớ thế, Mị sợ quá, Mị cựa quậy, xem mình còn sống hay chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói siết lại, đau dứt từng mảnh thịt.

Có tiếng xôn xao phía ngoài, rồi một đám đông vào nhà. Thống lí Pá Tra xuống ngựa, cho *thị sống* (một chức việc đi hầu thống lí như người làm mỗ thời trước) dắt ngựa vào tàu. Nghe như bọn họ có khiêng theo con lợn, hoặc một người phải trói, vừa vất huych xuống đất, cứ thở phè phè.

A Sừ chệnh choạng vào buồng. Áo nó rách toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo trắng loang lổ đầy máu, sụp xuống quanh trán. A Sừ nằm lăn ra giường. Lát sau, thống lí Pá Tra bước vào. Theo sau thống lí là một lũ *thống quán* (một chức việc như phó lí), *xéo phải* (như trường thôn) và một bọn *thị sống* vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lí. Có người bấy giờ mới nhìn thấy Mị phải trói đứng trong cột. Nhưng cũng không ai để ý, họ xúm cả lại quanh giường A Sừ. Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, lại từ từ đi ra. Mị nhắm mắt lại, không dám nhìn. Mị chỉ nghe hình như có tiếng bố chồng gọi ra ngoài. Mị hé nhìn ra, thấy chị dâu bước vào. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thồ nặng quá, đã cong rạp xuống. Người chị dâu đến cởi trói cho Mị. Sợi dây gai dưới bắp chân vừa lỏng ra, Mị ngã sụp xuống.

Chị dâu nói khẽ vào tai Mị :

- Mị ! Đi hái lá thuốc cho chồng mày.

Mị quên cả đau, đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được, Mị phải ôm vai chị dâu, hai người khố sờ dúi nhau bước ra. Trong khi đi vào rừng tìm lá thuốc, Mị nghe chị dâu nói lại, mới biết chuyện A Sừ đi chơi bị đánh vỡ đầu.

Nửa đêm qua, A Sừ vào làng tìm đến đám chơi có tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều trai làng ấy và các làng khác đã tới, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa xong chầu rượu trong nhà, bấy giờ vẫn còn chưa chịu tan về. Lúc A Sừ và chúng bạn kéo đến thì không còn ai chơi trong nhà nữa, vì bố mẹ và người trong nhà ấy đã đi ngủ. Nhưng người ra người vào còn dập dờn quanh ngõ. A Sừ đứng ngoài, tức lắm. Nó bàn với một lũ khác, dọa đánh bọn trai lạ vẫn bám quanh nhà đã khiến cho bọn A Sừ bị vướng không thể vào được. Bọn A Sừ ném đá vào vách. Ông bố trong nhà ra chửi. Bọn A Sừ vẫn ném. Ông lão không dám ra nữa, liền vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn. Nhưng cũng chưa người trai nào chịu về. Họ lại tản vào các nhà quen trong xóm. Để đợi sáng mai lại lên sân đánh pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sừ cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi họ vừa kéo ra đầu ngõ, bè lũ bạn A Sừ đã kéo đến gây sự. A Sừ đi trước, nạm vòng bạc ở cổ rủ xuống những tua chỉ xanh đỏ mà chỉ riêng con cái nhà quan trong làng mới được đeo. A Sừ hùng hổ bước ra. Bọn kia đứng đôn cả lại, xôn xao.

– Lũ phá đám ta đêm qua đây rồi.

– A Phù đâu ? A Phù đánh chết nó đi !

Một người to lớn chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử. Con quay gổ ngát lẳng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bung tay lên, A Phù đã xọc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Thấy vậy, bọn trai làng lạ tản hết lên rừng. Mấy người đuổi đón đầu A Phù. A Phù bị bắt sống, trói gò chân tay lại. Vừa lúc thống lí Pá Tra tới. Chúng nó xọc ngang cái gậy, khiêng A Phù mang về ném xuống giữa nhà thống lí.

Mị đi hái được lá thuốc về, thấy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới gốc đào lại buộc thêm mấy con ngựa lạ. Mị đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thấy một người to lớn quỳ trong góc nhà. Mị đoán đấy là A Phù.

Bọn chức việc khắp vùng Hồng Ngài đến nhà thống lí Pá Tra dự đám xử kiện. Các lí dịch, quan làng, *thống quán*, *xéo phải* đội mũ, quần khăn, xách gậy, cưỡi ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

Trong nhà thống lí đã bày năm cái bàn đèn. Khói thuốc phiện tuôn ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phù cũng tới. Nhưng chỉ bọn con trai làng ấy phải ngồi khoanh tay cạnh A Phù vì họ bị gọi sang hầu kiện, còn bọn chức việc thì nằm dài cả bên khay đèn. Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mấy chục người hút. Trên nhất là thống lí Pá Tra, thống lí Pá Tra hút xong một lượt năm điếu, đến người khác hút, lại người khác hút, cứ thế lần lượt xuống tới bọn đi gọi người về dự kiện. Chỉ có đàn bà ngồi trong buồng hoặc đi lại bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phù quỳ chịu tội ở xó nhà, là không được dự tiệc hút ấy. Lúc một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngồi dậy, vuốt ngược cái đầu trục dài, kéo đuôi tóc ra đằng trước, cất giọng lè nhè gọi :

– Thằng A Phù ra đây.

A Phù ra quỳ giữa nhà. Lập tức, bọn trai làng xô đến, trước nhất, chắp tay lay lia lia tên thống lí Pá Tra rồi quay lại đánh A Phù. A Phù quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá.

Cứ mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phù lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phù sưng lên, môi và đuôi mắt giập chảy máu. Người thì đánh, người thì quỳ lay, kể lể, chửi bới. Xong một lượt đánh, kể, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngào ngạt tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phù... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút.

Trong buồng bên cạnh, Mị cũng thức suốt đêm im lặng ngồi xoa thuốc dầu cho chồng. Lúc nào Mị mỏi quá, tựa mình, thì những chỗ lằn trói trong người lại đau ê ẩm. Mị lại gục đầu nằm thiếp đi. Khi đó, A Sử bèn đạp chân vào mặt Mị. Mị choàng thức, lại nhặt nắm lá thuốc, xoa đều đều trên lưng chồng. Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện, như những con mọt nghiêng gổ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kể lào xào, và tiếng đấm đánh huỳnh huých.

Sáng hôm sau thì đám kiện đã xong. Một số người, chẳng biết từ bao giờ, đã ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn *xéo phải* đang bắc cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút thêm ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một tiệc ăn cỗ nữa.

Thống lí Pá Tra mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xoè⁽¹⁾ bày lên mặt tráp, rồi nói :

– Thằng A Phủ đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người phải mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho thống quán năm đồng, mỗi *xéo phải* hai đồng, mỗi người đi gọi các quan làng về hầu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai mươi cân, chốc nữa mổ để các quan làng ăn vạ mày. A Phủ, mày đánh con quan làng, đáng nhẽ làng xử mày tội chết, nhưng làng tha cho mày được sống mà nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng. Mày không có trăm bạc thì tao cho mày vay để mày ở nợ. Bao giờ có tiền giả thì tao cho mày về, chưa có tiền giả thì tao bắt mày ở làm con trâu, con ngựa cho nhà tao. Đòi mày, đòi con, đòi cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi. A Phủ ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lễ hai cái đầu gối sùng bạnh lên như mặt hổ phù⁽²⁾. A Phủ cúi sờ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, lầm rầm khẩn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khẩn xong, A Phủ cũng nhặt xong bạc, nhưng nhặt xong lại để ngay cả xuống mặt tráp. Rồi Pá Tra lại trút cả bạc vào trong tráp.

Con lợn vừa mua về cho A Phủ thịt làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Từ lúc đếm tiền rồi, A Phủ không phải quỳ, phải đánh nữa. A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau bước tập tễnh, cùng với mấy trai làng, ra chộc tiết làm thịt lợn hầu làng. Trong nhà, thuốc phiện vẫn hút rào rào.

(1) *Đồng bạc hoa xoè* : đồng tiền đúc bằng bạc, do Ngân hàng Đông Dương phát hành trong thời Pháp thuộc, đúc nổi hình khuôn mặt người phụ nữ đôi mũ miện có những tia toả ra như đoá hoa xoè.

(2) *Hổ phù* : hình mặt hổ được chạm khắc hay vẽ trên gỗ hoặc kim loại, cũng có thể thêu trên vải.

Thế là từ đấy A Phũ phải đi ở trừ nợ cho nhà quan thống lí Pá Tra. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò, chăn ngựa, quanh năm một thân một mình bốn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng. A Phũ đương tuổi sức lực. Công việc làm hay đi săn, cái gì cũng làm phẳng phàng. Không còn có lúc nào trở về làng bên. Nhưng A Phũ cũng chẳng muốn trở về làm gì bên ấy nữa.

A Phũ cũng không phải người làng bên ấy. Bố mẹ đẻ A Phũ ở Háng-bla. Năm xưa, làng Háng-bla phải một trận bệnh đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn, chết, có nơi chết cả nhà. Anh của A Phũ, em A Phũ chết, bố mẹ A Phũ cũng chết. Còn sót lại có một mình A Phũ. Làng chết và đói nhiều quá, có người làng đói bụng bắt A Phũ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phũ mới mười tuổi, nhưng A Phũ gan bướng, không chịu ở dưới cánh đồng thấp. A Phũ trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngài. Đi làm cho nhà người, lần lữa mùa này sang mùa khác, chẳng bao lâu A Phũ đã lớn, đã biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo. A Phũ khoẻ, chạy nhanh như ngựa, con gái trong làng nhiều người mê, nhiều người nói : "Đứa nào được A Phũ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu". Người ta ao ước đùa thế thôi chứ phép rượng cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phũ thì không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc, A Phũ không thể lấy nổi vợ. Tuy nhiên, đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, dù A Phũ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác, A Phũ chỉ có đeo một chiếc vòng vía⁽¹⁾ lằn trên cổ, A Phũ cũng cứ cùng trai làng đem sáo, khèn, đem con quay và quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở các làng trong vùng.

Vì thế mà sinh sự đánh nhau ở Hồng Ngài.

(Lược một đoạn : Vào mùa đói rừng, hổ, gấu từng đàn đi phá nương, bắt bò, bắt ngựa. A Phũ phải trông bò, ngựa. Do mãi mê bẫy nhím, để hổ bắt mất bò, A Phũ bị thống lí Pá Tra bắt dựa lưng vào cái cột trong góc nhà rồi lấy dây mây quấn từ chân đến vai, chờ đến khi nào bán được hổ mới tha. Nhưng A Sửu, lính đống và thống lí không bán được hổ. A Phũ vẫn bị trói).

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mị cũng đến chết héo. Mỗi đêm, Mị đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy sáng Mị ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu dậy ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chợp mắt được từng lúc, Mị lại thức sưởi lửa suốt đêm. Mỗi đêm, khi nghe tiếng phũ phũ thổi bếp, A Phũ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mị cũng nhìn sang,

(1) Vòng vía : vòng đeo để tránh tai hoạ, bệnh tật (theo mê tín).

thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chột về, thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà đã ngủ yên, thì Mị trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, Mị chột nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết thế. A Phủ... Mị phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẳn lửa. Mị không thổi, cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình, Mị lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bùng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mị tưởng như A Phủ đương biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thờ phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hết hoảng, Mị chỉ thì thào được một tiếng "Đi ngay...", rồi Mị nghẹn lại. A Phủ bỗng khuyu xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

Mị đứng lặng trong bóng tối.

Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lặn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc. Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt :

- A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói :

- Ở đây thì chết mất.

A Phủ chột hiểu.

Người đàn bà chề chồng đó vừa cứu sống mình.

A Phủ nói : "Đi với tôi". Và hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

(Tóm tắt phần còn lại : Mị và A Phủ đã thành vợ chồng, đưa nhau đến vùng Phiêng Sa, dựng nhà trên một đồi gianh trông xuống cánh đồng Bản Pe. Họ ước mong làm được một ngôi nhà gỗ tốt, có một cuộc sống yên bình.

Một lần bọn lính đồn Bản Pe lên, bắt lợn nhà A Phủ, lại bắt A Phủ khiêng lợn về đồn. A Phủ bị bọn Tây ở đồn Bản Pe vu cho là nuôi cán bộ, rồi bị chúng đánh đập, cắt cả tóc. A Phủ trốn thoát về được.

A Châu, cán bộ kháng chiến tìm đến nhà A Phủ. Qua phút hiểu lầm ban đầu, A Phủ nhận ra cán bộ là người tốt, cùng một bụng ghét thằng Tây. Lễ ăn thề kết làm anh em giữa A Phủ và A Châu diễn ra đơn sơ mà thiêng liêng, cảm động.

Ngày Tết trong khu du kích Phiêng Sa tự do, A Phủ và Mị đi chơi Tết. Giữa lúc ấy, giặc kéo lên càn quét. Mị và nhiều người già, phụ nữ bị chúng bắt đưa về đồn. Du kích chặn đánh, Mị thoát được về. Mị hoảng hốt khi biết tin Pá Tra đã theo Tây về ở trong đồn Bản Pe. Nhưng A Phủ vẫn vững vàng, thuyết phục Mị không sợ. Hai người đi họp đội du kích để chuẩn bị đánh đồn cứu người già, trẻ con về).

1953

(Truyện Tây Bắc, NXB Văn học, Hà Nội, 1960)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân đầu của truyện (từ đầu đến "bao giờ chết thì thôi") kể về việc Mị bị bắt về làm dâu trừ nợ cho nhà thống lí Pá Tra và tình cảnh của cô ở đó. Hãy tìm hiểu nghệ thuật trần thuật của tác giả ở phần ấy. (Gợi ý : cách tổ chức điểm nhìn trần thuật, phối hợp các thủ pháp kể, miêu tả và đối thoại).
2. Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của Mị trong đêm mùa xuân "Mị muốn đi chơi" rồi bị trói vào cột và trong cảnh cô cắt dây trói cứu A Phủ. (Chú ý làm rõ các yếu tố ngoại cảnh tác động đến tâm lí, quá trình thức tỉnh trong nội tâm và hành động của nhân vật). Nhận xét về sức sống tiềm tàng của Mị qua hai cảnh đó.

3. Phân tích nhân vật A Phủ (chú ý hoàn cảnh xuất thân, trường hợp bị bắt làm người ở trừ nợ cho nhà Pá Tra, tính cách nổi bật). Nêu sự tương đồng và khác biệt giữa hai nhân vật Mị và A Phủ.
4. Nhận xét của anh (chị) về tư tưởng nhân đạo của truyện (chú ý sự kế thừa tư tưởng nhân đạo trong truyền thống văn học dân tộc và những nét mới).
5. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả và dựng truyện của Tô Hoài (miêu tả sinh hoạt, phong tục, thiên nhiên, miêu tả tâm lí và hành động của nhân vật, xây dựng cốt truyện và tình huống,...).

BÀI TẬP NÂNG CAO

Nói về việc sáng tác *Truyện Tây Bắc*, Tô Hoài cho biết ông đã đưa "những ý thơ" vào trong tác phẩm. Theo anh (chị), "những ý thơ" ấy được biểu hiện như thế nào trong truyện *Vợ chồng A Phủ* ?

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Tác giả nói về chủ đề của *Truyện Tây Bắc*

"Ý bao quát trong khi tôi viết *Truyện Tây Bắc* là : nông dân các dân tộc ở Tây Bắc bao năm gian khổ chống đế quốc và bọn chúa đất. Cuộc đấu tranh giai cấp, riêng ở Tây Bắc mang một sắc thái đặc biệt. Nhìn lướt qua, nơi thế lực phong kiến còn đương kéo lùi đất nước lại hàng trăm năm trước, chúng ta dễ tưởng những cảnh những người ở đấy cứ muôn thuở lặng lẽ. Không, ở nơi rừng núi mờ màng ấy, các dân tộc đã không lặng lẽ chịu đựng. Họ đã thức tỉnh. Cán bộ của Đảng tới đâu thì các dân tộc đứng lên tới đấy, trước nhất là những người trẻ tuổi. Họ thật đẹp và yêu đời. Chiến tranh đã làm li tán, tan nát, nhưng còn một phút sống vẫn còn chờ đợi, vẫn mong, vẫn tin và giữa bao nhiêu đau khổ, vẫn nhìn thấy trước một ngày bình yên, một ngày trở lại yên vui của tình yêu và của đất nước. Làm sao cho tôi thể hiện được lòng tin, lòng yêu cuộc đời của những người trẻ tuổi và sức mạnh tin yêu mãnh liệt đó cuối cùng sẽ đem lại mọi thắng lợi. Tư tưởng yêu đời, khát vọng của cuộc sống gửi vào các nhân vật trẻ tuổi, tôi cố gắng thể hiện.

Một vấn đề khác, ngoài tài liệu và trên cả sáng tạo, đó là những ý thơ trong văn xuôi. Vâng, đúng là những ý thơ, đã từ lâu tôi làm, tôi cảm thấy mà chưa phân tích được. Ở mỗi nhân vật và trùm lên tất cả miền Tây, tôi đã đưa vào một không khí vời vơi, làm cho đất nước và con người bay bổng lên hơn, rời bỏ được cái ám ảnh tù mù, lặt vặt thường làm co quắp nhân vật, nhỏ bé vấn đề và khung cảnh đi. Không biết cất nghĩa sao, nhưng tôi cho rằng ngay trong văn xuôi, cần phải đượm hỗn thơ, có như thế văn xuôi mới trong sáng cất cao".

(Tô Hoài, *Sổ tay viết văn*,
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1977)